

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án Số: 06 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2019

"V/v ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Huy Nhật

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hải

2. Bà Chu Thị Đức

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An -Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/02/2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị H.T.Th, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Xóm A.N, xã T.H, thị xã T.H, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2.Bị đơn: Anh N.T.C, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Xóm A.N, xã T.H, thị xã T.H, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và các bản tự khai, nguyên đơn chị H.T.Th trình bày:

Chị và anh N.T.C tự nguyện kết hôn với nhau ngày 20/03/2008; có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.Q, huyện N.Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận được 05 năm và có 01 con chung là cháu N.T.Đ- sinh ngày 01/08/2009, đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; chị Th cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; anh C ngoại tình và thường xuyên đánh đập chị, có lần đánh chị làm hỏng mắt. Chị Th đã cố gắng chịu đựng nhiều năm vì con nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/ 2019 đến nay,

chị thấy tình cảm vợ chồng của chị đối với anh C không còn nữa và yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu N.T.Đ- sinh ngày 01/08/2009, hiện nay cháu đang sống cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N.T.Đ và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị và anh C không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng như cho ai vay, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Tại đơn trình bày ngày 29/03/2019 bị đơn anh N.T.C trình bày:

Anh và chị H.T.Th kết hôn ngày 20/03/2008 như chị Th khai báo là đúng; sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận, trong quá trình chung sống vợ chồng không thể tránh khỏi những va chạm hàng ngày nhưng vợ chồng vẫn yêu thương nhau. Nay chị Th xin ly hôn anh, anh thấy tình cảm vợ chồng của anh đối với chị Th đang còn nên không đồng ý ly hôn, mong được đoàn tụ gia đình, chăm lo con cái.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là cháu N.T.Đ - sinh ngày 01/08/2009. Vì anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản, không vay nợ ai cũng như cho ai vay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với C đến Tòa án để làm việc theo quy định. Sau khi tiến hành hòa giải anh C bỏ đi khỏi địa phương không hợp tác làm việc với Tòa án. Mặt khác Tòa án cũng đã liên lạc trực tiếp được với anh C qua số điện thoại cá nhân của anh C thông báo đến làm việc cũng như tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền lợi của mình nhưng anh C bất hợp tác và cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc, cũng như tham gia phiên tòa. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt vắng mặt theo quy định của pháp luật đối với anh C.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Th trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C; có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N.T.Đ và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng cố tình trốn tránh nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD); Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, xử cho Chị H.T.Th ly hôn anh N.T.C; giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N.T.Đ cho đến tuổi trưởng thành và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh C do chị

Th không yêu cầu. Tài sản không đặt ra giải quyết; chị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị H.T.Th có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh N.T.C có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại xóm A.N, xã T.H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật cho bị đơn anh N.T.C. Quá trình giải quyết vụ án anh C chỉ đến ghi bản khai và hòa giải một lần, sau đó không đến Toà án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và tại phiên tòa anh N.T.C vắng mặt không có lý do lần thứ 2 mặc dù Toà án đã tiến hành thông báo trực tiếp và niêm yết theo quy định nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm e khoản 1 điều 192 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của chị H.T.Th yêu cầu được ly hôn với anh N.T.C:

Chị H.T.Th và anh N.T.C kết hôn với nhau ngày 20/03/2008 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.Q, huyện N.Đ, tỉnh Nghệ An nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; anh C ngoại tình và thường xuyên đánh đập chị Th, có lần đánh chị Th làm hỏng mắt. Chị Th đã cố gắng chịu đựng nhiều năm vì con nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/ 2019 đến nay, anh C không quan tâm đến gia đình, hiện tại anh C bỏ nhà đi làm ăn xa không về nhà, không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình. Anh C có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng đối với chị Th Chứng tỏ ngoài việc anh C có hành vi bạo lực đối với vợ, còn vi phạm về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và kéo dài; mục đích của hôn nhân không đạt được; đời sống chung của vợ chồng không tồn tại trên thực tế, khả năng vợ chồng về đoàn tụ không còn nên chấp nhận yêu cầu của chị Th được ly hôn anh N.T.C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh C có 01 con chung là cháu N.T.Đ - sinh ngày 01/08/2009, hiện nay cháu đang sống cùng với chị Th ổn định, mặt khác anh C đang đi làm ăn xa, nguyện vọng cháu Đ muốn được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N.T.Đ - sinh ngày 01/08/2009 đến tuổi trưởng thành; Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh C do chị Th không yêu cầu.

[4]. Về tài sản: Chị Th và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, không vay nợ ai cũng như cho ai vay.

[5]. Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

- Về hôn nhân: Xử chị H.T.Th được ly hôn anh N.T.C.

- Về con chung: giao cho chị H.T.Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N.T.Đ - sinh ngày 01/08/2009 đến tuổi trưởng thành; Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh C do chị Th không yêu cầu.

Anh N.T.C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị Th và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về án phí: Chị H.T.Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0000500, ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.H, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Chị H.T.Th có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh N.T.C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TX T.H;
- Chi cục THA DS TX T.H;
- UBND xã T.H (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Hà Huy Nhật